|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐĂK NÔNG  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **NGUYỄN CHÍ THANH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** | |  |  | | **Số: …/BC-NCT** | ***Gia Nghĩa, ngày 06 tháng 9 năm 2022*** | |  |  | |  |
|  |  |

**BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện đầu tư cơ sở vật chất mua sắm thiết bị dạy học**

**Năm học 2022-2023**

Thực hiện Công văn số 1372/SGDĐT-TCCBTC ngày 13/7/2022 của Sở GD&ĐT Đắk Nông về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học năm học 2022-2023. Trường THPT

**I. BỐI CẢNH NHÀ TRƯỜNG**

**1. Bối cảnh bên trong**

***1.1. Điểm mạnh của nhà trường***

Tổng diện tích của nhà trường là 3200 m2 với 1 sân chơi rộng 1200m2. Phòng học có 33 phòng học, 12 phòng học bộ môn, phòng làm việc của ban giám hiệu, tổ bộ môn, tổ văn phòng, phòng truyền thống, 09 phòng cho hoạt động của các câu lạc bộ, có nhà đa năng. Thư viện có diện tích hơn 1000m2. Tổng đầu sách trong thư viện: 5000 đầu sách; Sách tham khảo: 3150 quyển; sách nghiệp vụ: 150 quyển; Sách giáo khoa: 500 quyển. Các phòng học đều có hệ thống wifi, tivi.

***1.2. Điểm yếu của nhà trường***

Chưa có phòng học dành cho các bộ môn nghệ thuật như âm nhạc, mỹ thuật. Chưa có hội trường phục vụ cho các hoạt động tập thể. Một số công trình xây dựng gần 10 năm đã xuống cấp.

**2. Bối cảnh bên ngoài**

***2.1.*** ***Cơ hội***

Chương trình GDPT 2018 xây dựng theo hướng mở, đảm bảo định hướng thống nhất, nội dung giáo dục cốt lõi bắt buộc, trao quyền chủ động cho nhà trường trong việc lựa chọn một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch phù hợp với đối tượng học sinh. Cấp uỷ, chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục. Trình độ nhận thức của nhân dân về công tác giáo dục được nâng lên. Nhân dân trong tỉnh sẵn sàng đón nhận thực hiện chương trình giáo dục mới. Công nghệ thông tin phát triển giúp nhà trường triển khai các hoạt động giáo dục trong thời gian tới.

***2.2. Thách thức***

Đáp ứng đổi mới CTGDPT đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên biết khai thác, sử dụng và ứng dụng CNTT hiệu quả trong dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục.

Địa phương còn nhiều khó khăn về kinh tế nên việc huy động nguồn lực xã hội hóa để đầu tư mua sắm, bổ sung và sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dạy và học sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

**II. MỤC TIÊU**

**2.1. Mục tiêu chung**

Phát triển cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ triển khai CTGDPT 2018. Thực hiện chương trình theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Kiểm tra tu bổ, sửa chữa và mua sắm các thiết bị đáp ứng các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh. Góp phần thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục của trường. Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản hiện có; Bảo quản, sửa chữa, bổ sung tài sản của nhà trường kịp thời.

**2.2. Mục tiêu cụ thể.**

Tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo về việc bổ sung, cấp mới thiết bị phục vụ CTGDPT 2018; tu sửa các trang thiết bị đã cũ. Vận động phụ huynh đóng góp để mua sắm, trồng và chăm sóc bồn hoa,cây cảnh, trang trí các lớp học tạo môi trường học tập xanh- sạch - đẹp - an toàn cho học sinh. Giáo dục học sinh có ý thức bảo vệ cơ sở vật chất, TB&CN, cây xanh của nhà trường. 100% các lớp có đủ đồ dùng, thiết bị và công nghệ phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của giáo viên, học sinh (*Ưu tiên khối lớp 10*). Khai thác sử dụng có hiệu quả CSVC, TB&CN; phát động giáo viên tích cực làm đồ dùng dạy học.

**3.. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

**1. Kế hoạch khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ**

\* Khai thác, sử dụng cơ sở vật chất.

Khai thác, sử dụng, bảo quản CSVC, TB&CN hiện có của nhà trường đáp ứng triển khai CTGDPT 2018 trong năm học 2022-2023. Sử dụng và bảo quản CSVC, TB&CN đảm bảo hiệu quả lâu dài, hợp lý; TB&CN phục vụ dạy học, giáo dục đáp ứng triển khai CTGDPT 2018. Đảm bảo 1 phòng/lớp đế triển khai dạy học 2 buối/ngày, sắp xếp thời khóa biểu phù hợp. Bố trí CSVC, TB&CN hợp lý dễ nhận biết, dễ lấy, dễ trả lại.

Vệ sinh CSVC, TB&CN, xung quanh nơi làm việc sạch sẽ. Thường xuyên sửa chữa CSVC, TB&CN của nhà trường kịp thời. Tận dụng sân trường hoặc nhà đa năng để tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ đề, dạy học tích hợp thông qua hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục địa phương.

\* Khai thác, sử dụng thiết bị và công nghệ

Khai thác, sử dụng triệt để các thiết bị hiện có trong nhà trường. Rà soát lại nhu cầu sử dụng của giáo viên, có kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn nâng cao ý thức, kỹ năng sử dụng và bảo quản thiết bị dạy học. Nhà trường xây dựng kế hoạch sử dụng TB&CN cho từng môn học, từng hoạt động giáo dục cho mỗi khối lớp. Hiệu trưởng cùng Tổ chuyên môn nghiên cứu CTGDPT của các môn học để lập kế hoạch sử dụng cho từng môn học,từng hoạt động giáo dục của mỗi khối lớp (số lần sử dụng, số giờ sử dụng) để có sự chuẩn bị thiết bị và công nghệ trước khi bước vào năm học. Phó Hiệu trưởng và Tổ trưởng chuyên môn lập thời gian biểu sử dụng TB&CN cho từng tuần cho từng khối lớp.

**2. Kế hoạch sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ.**

Bổ sung TB&CN lớp 10 kịp thời phục vụ dạy học, giáo dục học sinh, đặc biệt ưu tiên cho lớp 10 (năm học 2022-2023). Sửa chữa phòng học, bàn ghế; máy tính, internet,...để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo CTGDPT 2018. Nhà trường lập kế hoạch và thực hiện việc sửa chữa, bảo trì CSVC,TB&CN theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Giao cho phó Hiệu trưởng phụ trách thiết bị xây dựng kế hoạch sửa chữa, CSVC, TB&CN dạy học, giáo dục của nhà trường.

**3. Kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung thiết bị và công nghệ.**

- Tu sửa cơ sở vật chất: Sửa chữa 20 bộ bàn ghế 2 chỗ ngồi; sơn lại, lát lại nền những chổ gạch bị bong ở dãy phòng học, sửa lại hệ thống điện trong các lớp học để đảm bảo CSVC thực hiện dạy học 2 buổi/ngày.

- Mua sắm, bổ sung thiết bị và công nghệ.

+ Kiến nghị Sở Giáo dục và Đào tạo đầu tư trang bị hoàn thiện khuôn viên nhà trường, xây dựng nhà đa năng phục vụ cho các hoạt động tập thể.

+ Huy động các nguồn lực mua sắm, bổ sung 150 tài liệu tham khảo cho các khối lớp, sách giáo viên lớp 10; mua sắm, bổ sung 05 tivi, 01 hệ thống âm thanh, các thiết bị cần cho bộ môn âm nhạc, mỹ thuật phục vụ các hoạt động dạy học và giáo dục theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh.

+ Khuyến khích giáo viên và học sinh tự làm thiết bị dạy học, vừa đáp ứng nhu cầu dạy và học, vừa nâng cao kỹ năng thực hành cho học sinh.

+ Tổng hợp nhu cầu mua sách giáo khoa của học sinh trong năm học 2022-2023; Công khai số lượng sách giáo khoa và thông báo cho phụ huynh học sinh của nhà trường về bộ sách giáo khoa nhà trường thực hiện trong năm học; Tuyên truyền, vận động phụ huynh học sinh mua đủ bộ sách giáo khoa cho học sinh trước ngày khai giảng (*trừ các học sinh thuộc diện được cấp phát sách*) năm học mới, cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn mượn sách giáo khoa tại thư viện của trường. Rà soát lại CSVC, TB&CN hiện có.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bảng phân tích thực trạng CSVC, TB&CN dạy học, giáo dục của trường  THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh thực hiện CTGDPT 2018***   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Nội dung** | | **Tình trạng** | | | | | *Đáp ứng* | | *Chưa đáp ứng* | | | Đơn vị tính | Số lượng hiện có | Đơn vị tính | Số lượng cần bổ sung | | Phòng học bộ môn | 1. Phòng học Tiếng Anh | Phòng | 2 | Phòng | 01 | | 2. Phòng học Tin học | Phòng | 3 | Phòng | 01 | | 3. Phòng Vật lý | Phòng | 2 | Phòng | 01 | | 4. Phòng Hóa học | Phòng | 2 | Phòng | 01 | | 5. Phòng Sinh học | Phòng | 2 | Phòng | 01 | | 6. Phòng Công nghệ | Phòng | 2 | Phòng | 01 | | 7. Phòng Âm nhạc | Phòng | 0 | Phòng | 01 | | 8. Phòng Mỹ thuật | Phòng | 0 | Phòng | 01 | | 9. Phòng Đa chức năng | Phòng | 1 | Phòng | 01 | | 10. Phòng thiết bị dùng chung | Phòng | 1 | Phòng | 01 | |  |  |  |  |  | | Điều kiện phục vụ hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng kiến thức, giáo dục thể chất... | 1. Bãi tập | m2 | 1200 | m2 | 0 | | 2. Sân chơi | m2 | 2000 | m2 | 0 | | 3. Nhà Đa năng | m2 | 600 | m2 | 0 | | 4. Thư viện | m2 | 1000 | m2 | 0 | | 5. Phòng truyền thống | m2 | 32 | m2 | 0 | | 6. Hệ thống âm thanh sinh hoạt tập thể | Dàn âm thanh | 03 | Dàn âm thanh | 0 | | 7. Sân bóng chuyền | Sân | 01 | Sân | 01 | | 8. Sân cầu lông | Sân | 03 | Sân | 02 | | 9. Sân bóng rổ | Sân | 01 | Sân | 01 | |  | 10.Sân bóng đá | Sân | 01 | Sân | 01 | |  | 11.Khu sinh hoạt tập thể ngoài trời | m2 | 1000 | m2 | 0 | | Thiết bị dạy học | 1. Ti vi | Cái | 30 | Cái | 5 | | 2. Máy chiếu Projector | Cái | 10 | Cái | 0 | | 3. Cát xét | Cái | 03 | Cái | 02 | | 4. Xà đơn, xà kép | Cái | 02 | Cái | 0 | | 5. Đệm nhảy cao, nhảy xa | Cái | 02 | Cái | 01 | | 6. Quả tạ | Quả | 10 | Quả | 10 | |  | 7. Bàn đạp chạy xa | Cái | 10 | Cái | 10 | | Điều kiện phục vụ sinh hoạt cá nhân, kho chứa vật dụng... | 1. Nhà vệ sinh | Nhà VS | 10 | Nhà VS | 10 | | 2. Nguồn nước sinh hoạt | Giếng khoan/nước máy | 02 | Giếng khoan/nước máy | 0 | | 3. Nhà xe | Nhà | 06 | Nhà | 02 | | 4. Nhà kho | Nhà | 01 | Nhà | 01 | | Điều kiện hạ tầng kĩ thuật, công nghệ | 1. Internet | Hệ thống Wifi | 05 | Hệ thống Wifi | 0 | | 2. Máy tính bàn | Cái | 120 | Cái | 0 | | 3. Máy tính xách tay | Cái | 25 | Cái | 0 | |  | 4. Website | Trang | 01 |  |  | | Các điều kiện CSVC, TB&CN khác | 1. Phòng học | Phòng | 33 | Phòng | 0 | | 2. Phòng các tổ CM | Phòng | 10 | Phòng | 0 | | 3. Phòng họp HĐ | Phòng | 01 | Phòng | 0 | | 4. Phòng Y tế nhà trường | Phòng | 01 | Phòng | 0 | | 5. Phòng nghỉ giữa tiết của giáo viên | Phòng | 01 | Phòng | 0 | | 6. Phòng Văn phòng | Phòng | 01 | Phòng | 0 | | 7. Phòng Lãnh đạo nhà trường | Phòng | 04 | Phòng | 0 | | 8. Phòng nhân viên VP | Phòng | 03 | Phòng | 0 | | 9. Phòng Tư vấn học đường | Phòng | 01 | Phòng | 0 | | 10. Phòng tiếp dân | Phòng | 01 | Phòng | 0 | | 11. Phòng Chi bộ Đảng | Phòng | 01 | Phòng | 0 | | 12. Phòng Đoàn TNCSHCM | Phòng | 01 | Phòng | 0 | | 13. Phòng Công đoàn | Phòng | 01 | Phòng | 0 | | 14. Phòng thiết bị âm thanh (loa máy) | Phòng | 01 | Phòng | 01 | |

Đầu năm học 2022-2023 nhà trường đã mua sắm thêm thiết bị phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông 2018 *( file đính kèm*).

**IV. Đề xuất kiến nghị**

- Kính mong Lãnh đạo Sở GD&ĐT tạo điều kiện cấp kinh phí để nhà trường tiếp tục mua sắm hoàn thiện trang thiết bị cho lớp 10 chương trình CDPT 2018. Hiện nay nhà trường chưa có kinh phí mua trang bi cho phòng bộ môn công nghệ lý do kinh phí hạn hẹp và không có giáo viên dạy.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Sở GD&ĐT (để b/c);  - BGH Nhà trường (để ch/đ);  - CB, GV, NV (để th/h);  - Lưu: VT. |  | **HIỆU TRƯỞNG** |